

Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa – Vũng Tàu
 Kỳ thi: Tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026
 Khóa ngày: 5-7/6/2025
 Hội đồng: THPT Phước Bửu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	620001	Nguyễn Đăng Thảo Anh	x	20/05/2010	THCS Chu Văn An (XM)	4.25	4.00	2.25	11.50
2	620002	Nguyễn Hà Quỳnh Anh	x	24/10/2010	THCS Phước Tân	3.75	6.25	4.50	14.50
3	620003	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	x	03/05/2010	THCS Phước Bửu	5.50	6.25	5.50	17.25
4	620004	Nguyễn Minh Anh	x	09/10/2010	THCS Xuyên Mộc	3.25	1.75	1.75	6.75
5	620005	Nguyễn Quốc Anh		30/07/2010	THCS Phước Bửu	5.25	5.00	4.50	14.75
6	620006	Nguyễn Thị Hoài Anh	x	02/05/2010	THCS Xuyên Mộc	4.25	1.75	3.00	9.00
7	620007	Phạm Thị Hoàng Anh	x	26/02/2010	THCS Phước Bửu	4.50	5.75	4.25	14.50
8	620008	Phùng Thị Hoàng Anh	x	07/11/2010	THCS Phước Bửu	3.75	5.25	4.25	13.25
9	620009	Nguyễn Thị Lan Anh	x	08/08/2010	THCS Phước Bửu	5.00	2.50	2.75	10.25
10	620010	Nguyễn Trương Quỳnh Anh	x	09/06/2010	THCS Phước Bửu	3.50	6.75	2.50	12.75
11	620011	Hoàng Tuấn Anh		09/07/2010	THCS Xuyên Mộc	2.50	1.75	1.50	5.75
12	620012	Trần Văn Anh		29/12/2009	THCS Phước Bửu	4.25	2.75	3.25	10.25
13	620013	Cao Xuân Đức Anh		26/07/2010	THCS Phước Thuận	4.25	5.75	1.75	11.75
14	620014	Trần Thị Mỹ Ánh	x	10/08/2010	THCS Phước Bửu	7.50	6.00	3.25	16.75
15	620015	Lê Thiên Ân		06/09/2010	THCS Phước Bửu				0.00
16	620016	Lê Hoàng Ân		04/04/2010	THCS Phước Bửu	6.00	5.50	3.75	15.25
17	620017	Dương Gia Bảo		19/07/2010	THCS Phước Tân	4.25	6.50	5.50	16.25
18	620018	Dương Gia Bảo		07/08/2010	THCS Xuyên Mộc	2.50	1.75	2.50	6.75
19	620019	Hồ Gia Bảo		21/10/2009	THCS Tân Lâm	2.00	3.50	2.25	7.75
20	620020	Ngô Gia Bảo		06/08/2010	THCS Phước Bửu	3.00	1.00	3.25	7.25
21	620021	Nguyễn Hoàng Gia Bảo		03/10/2010	THCS Xuyên Mộc	2.50	1.50	2.25	6.25
22	620022	Hòa Phạm Gia Bảo		12/11/2010	THCS Phước Bửu	4.50	5.25	3.50	13.25
23	620023	Nguyễn Thái Gia Bảo		05/07/2010	THCS Phước Tân	2.25	7.75	4.50	14.50
24	620024	Phạm Nguyễn Nghi Băng	x	21/08/2010	THCS Phước Bửu	4.50	4.25	5.50	14.25
25	620025	Mai Thanh Bình		24/11/2010	THCS Chu Văn An (XM)	4.50	6.75	5.50	16.75
26	620026	Huỳnh Kim Ngọc Châu	x	28/06/2010	THCS Phước Tân	5.75	7.25	4.25	17.25
27	620027	Phạm Thị Hoàng Châu	x	31/03/2010	THCS Phước Bửu	4.00	0.50	2.00	6.50
28	620028	Trần Nguyễn Hoàng Chính		09/10/2010	THCS Phước Thuận	3.75	4.50	4.25	12.50
29	620029	Phan Nguyên Chương		13/10/2010	THCS Chu Văn An (XM)	4.25	6.00	3.25	13.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
30	620030	Nguyễn Cao Cường		09/12/2010	THCS Phước Tân	4.75	3.25	2.25	10.25
31	620031	Lê Quốc Cường		07/06/2010	THCS Phước Bửu	4.00	3.00	4.75	11.75
32	620032	Mai Tuấn Cường		23/05/2010	THCS Phước Bửu	4.75	3.75	4.00	12.50
33	620033	Bùi Công Danh		15/03/2010	THCS Xuyên Mộc	4.25	3.25	3.50	11.00
34	620034	Nguyễn Tấn Thành Danh		06/09/2010	THCS Phước Thuận				0.00
35	620035	Nguyễn Thành Danh		20/08/2009	THCS Phước Bửu	3.50	4.25	4.00	11.75
36	620036	Bùi Ngọc Diệp	x	27/11/2010	THCS Phước Bửu	6.00	5.00	6.50	17.50
37	620037	Trần Thị Mỹ Dung	x	06/03/2010	THCS Hoà Hiệp	4.25	1.50	1.75	7.50
38	620038	Nguyễn Đình Duy		04/06/2010	THCS Phước Bửu	5.25	6.25	4.75	16.25
39	620039	Mai Chí Dũng		02/03/2010	THCS Xuyên Mộc				0.00
40	620040	Nguyễn Công Dũng		09/01/2010	THCS Phước Tân	5.50	7.25	3.00	15.75
41	620041	Trần Đức Dũng		14/01/2010	THCS Phước Tân	4.00	3.00	2.75	9.75
42	620042	Trần Văn Đài		17/03/2009	THCS Xuyên Mộc				0.00
43	620043	Dương Hữu Đạt		05/01/2010	THCS Xuyên Mộc				0.00
44	620044	Nguyễn Minh Đạt		29/12/2009	THCS Phước Tân	4.75	3.00	5.00	12.75
45	620045	Trần Minh Đạt		29/01/2010	THCS Phước Bửu	4.75	6.50	8.75	20.00
46	620046	Cao Thành Đạt		20/06/2010	THCS Phước Bửu	3.75	5.00	4.75	13.50
47	620047	Nguyễn Tiến Đạt		16/06/2010	THCS Phước Bửu	5.25	4.50	3.25	13.00
48	620048	Phạm Tiến Đạt		10/01/2009	THCS Xuyên Mộc	2.00	2.25	2.25	6.50
49	620049	Trần Văn Đạt		06/08/2010	THCS Phước Thuận	3.00	4.25	2.00	9.25
50	620050	Ngô Hải Đăng		22/03/2010	THCS Xuyên Mộc	2.50	0.75	2.75	6.00
51	620051	Trương Khắc Hải Đăng		14/12/2009	THCS Tân Lâm	4.00	2.00	2.50	8.50
52	620052	Hoàng Minh Đăng		13/01/2010	THCS Xuyên Mộc	4.25	5.75	0.50	10.50
53	620053	Phan Minh Đăng		24/02/2010	THCS Phước Thuận	5.00	6.25	4.50	15.75
54	620054	Nguyễn Văn Đông		27/05/2010	THCS Phước Thuận	3.00	2.25	2.50	7.75
55	620055	Ngô Văn Đức		13/07/2010	THCS Phước Thuận	5.75	7.00	5.00	17.75
56	620056	Hồ Thế Giang		26/04/2010	THCS Phước Tân	1.75	3.25	5.00	10.00
57	620057	Hoàng Ngọc Hải		17/04/2010	THCS Phước Tân	5.50	7.25	4.25	17.00
58	620058	Trần Thế Hải		29/01/2010	THCS Xuyên Mộc	5.75	3.25	2.75	11.75
59	620059	Nguyễn Văn Trường Hải		02/03/2010	THCS Phước Bửu	4.50	3.25	3.50	11.25
60	620060	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	x	11/09/2010	THCS Phước Bửu	5.00	4.00	3.25	12.25
61	620061	Phạm Minh Hằng	x	25/09/2010	THCS Phước Tân	7.25	8.00	4.25	19.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
62	620062	Ngô Tạ Thanh Hằng	x	11/08/2010	THCS Phước Bửu	7.25	7.25	4.00	18.50
63	620063	Ngô Thị Thanh Hằng	x	20/11/2010	THCS Phước Tân	6.00	3.25	2.25	11.50
64	620064	Nguyễn Huy Hân		07/02/2010	THCS Hoà Hiệp				0.00
65	620065	Huỳnh Ngọc Gia Hân	x	29/10/2010	THCS Xuyên Mộc	3.25	2.50	2.25	8.00
66	620066	Vũ Trần Bảo Hân	x	09/12/2010	THCS Chu Văn An (XM)	5.00	4.25	2.25	11.50
67	620067	Tạ Hồng Hậu		01/11/2010	THCS Phước Bửu	4.00	5.00	2.25	11.25
68	620068	Trần Minh Hậu		07/09/2010	THCS Phước Bửu	5.50	8.25	3.50	17.25
69	620069	Hoàng Thị Bích Hậu	x	10/02/2010	THCS Phước Tân	4.00	6.75	4.50	15.25
70	620070	Nguyễn Công Hiếu		14/03/2010	THCS Xuyên Mộc	3.00	2.75	2.00	7.75
71	620071	Trần Minh Hiếu		24/11/2010	THCS Chu Văn An (XM)	6.25	7.00	5.50	18.75
72	620072	Phan Thanh Hiếu		22/05/2010	THCS Phước Bửu	6.00	6.00	3.25	15.25
73	620073	Tổng Thông Thanh Hiếu		13/03/2010	THCS Xuyên Mộc	2.00	3.75	4.25	11.00
74	620074	Hoàng Trung Hiếu		30/04/2010	THCS Phước Bửu	3.00	4.25	3.75	11.00
75	620075	Nguyễn Trung Hiếu		18/10/2010	THCS Phước Tân	5.50	6.00	4.75	16.25
76	620076	Trần Trung Hiếu		07/09/2010	THCS Phước Tân	5.00	6.75	3.25	15.00
77	620077	Nguyễn Quốc Hiệu		13/08/2010	THCS Phước Bửu	2.75	3.75	3.50	10.00
78	620078	Trần Huỳnh Hoa	x	19/08/2010	THCS Phước Bửu	4.50	4.75	2.00	11.25
79	620079	Nguyễn Ngọc Hoa	x	11/03/2010	THCS Phước Bửu	6.25	5.00	5.25	16.50
80	620080	Phạm Thị Xuân Hoa	x	22/05/2010	THCS Xuyên Mộc	5.00	4.50	4.25	13.75
81	620081	Nguyễn Đức Hoàng		07/03/2010	THCS Phước Bửu	6.00	5.50	4.00	15.50
82	620082	Ninh Minh Hoàng		03/08/2010	THCS Phước Bửu	5.25	2.50	3.00	10.75
83	620083	Trần Nhật Hoàng		01/01/2010	THCS Phước Bửu	5.50	7.50	7.00	20.00
84	620084	Hoàng Quang Hòa		27/04/2010	THCS Phước Tân	6.00	8.00	5.50	19.50
85	620085	Hà Văn Hòa		22/04/2010	THCS Phước Tân	4.75	8.25	5.75	18.75
86	620086	Cao Xuân Hòa		28/06/2010	THCS Phước Bửu	2.50	5.75	1.50	10.75
87	620087	Nguyễn Thị Hồng	x	21/06/2009	THCS Xuyên Mộc	5.00	1.00	3.00	10.00
88	620088	Phạm Tuyết Hồng	x	11/02/2010	THCS Xuyên Mộc	2.75	0.75	2.75	6.25
89	620089	Nguyễn Gia Huy		01/11/2010	THCS Xuyên Mộc	2.75	1.00	6.00	9.75
90	620090	Nguyễn Gia Huy		18/02/2010	THCS Chu Văn An (XM)	6.75	6.75	4.75	18.25
91	620091	Nguyễn Hữu Gia Huy		19/12/2010	THCS Phước Bửu	5.25	8.00	4.25	17.50
92	620092	Trần Lương Quang Huy		18/08/2010	THCS Phước Thuận	7.00	7.25	5.00	19.25
93	620093	Phan Minh Huy		03/10/2009	THCS Xuyên Mộc				0.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
94	620094	Võ Minh Huy		08/07/2010	THCS Phước Bửu	6.25	3.00	2.50	11.75
95	620095	Phạm Quang Huy		25/08/2010	THCS Xuyên Mộc				0.00
96	620096	Nguyễn Thanh Huy		09/05/2010	THCS Xuyên Mộc	1.25	2.00	5.25	8.50
97	620097	Lê Thọ An Huy		25/11/2010	THCS Xuyên Mộc	2.00	4.75	3.00	9.75
98	620098	Nguyễn Văn Khánh Huy		10/02/2010	THCS Chu Văn An (XM)	4.50	6.25	5.25	16.00
99	620099	Nguyễn Khắc Đức Hùng		12/07/2010	THCS Phước Tân	5.50	7.25	5.75	19.50
100	620100	Đỗ Minh Hùng		20/04/2010	THCS Phước Tân	3.25	4.25	3.50	11.00
101	620101	Hồ Quốc Hùng		12/01/2010	THCS Xuyên Mộc	3.00	1.25	3.00	7.25
102	620102	Lê Huỳnh Hưng		27/09/2008	THCS Xuyên Mộc	1.75	1.50	2.50	5.75
103	620103	Phạm Quốc Hưng		16/02/2010	THCS Hoà Hiệp	3.50	4.25	4.50	13.25
104	620104	Trần Đình Bảo Khang		22/02/2010	THCS Chu Văn An (XM)	5.50	5.75	4.25	15.50
105	620105	Nguyễn Phú Khang		06/07/2010	THCS Phước Bửu	4.00	6.75	4.00	14.75
106	620106	Nguyễn Trần Nguyên Khang		14/09/2010	THCS Phước Bửu	5.00	6.25	4.25	15.50
107	620107	Ninh Trịnh Hoàng Khang		20/05/2010	THCS Phước Bửu	3.50	2.75	3.25	9.50
108	620108	Trần Trọng Khang		05/10/2010	THCS Tân Lâm	2.75	3.50	4.50	10.75
109	620109	Nguyễn Vũ Minh Khang		12/12/2010	THCS Xuyên Mộc	2.25	2.75	3.75	8.75
110	620110	Trần Bảo Khanh		27/07/2010	THCS Chu Văn An (XM)	3.00	6.75	4.50	14.25
111	620111	Nguyễn Hoàng Kim Khánh	x	11/09/2010	THCS Hoà Hưng	6.50	6.50	3.00	16.00
112	620112	Phan Ngô Quốc Khánh		29/09/2010	THCS Phước Bửu	5.25	5.50	5.25	16.00
113	620113	Hoàng Gia Khiêm		24/04/2010	THCS Phước Bửu	3.50	3.75	2.50	9.75
114	620114	Trần Đăng Khoa		15/04/2010	THCS Tân Lâm	2.75	3.50	3.75	10.00
115	620115	Phạm Nguyễn Đăng Khoa		05/10/2009	THCS Xuyên Mộc	3.00	3.75	2.75	9.50
116	620116	Vũ Anh Khôi		10/12/2010	THCS Phước Tân	5.00	4.25	3.25	12.50
117	620117	Kiều Đăng Khôi		04/03/2009	THCS Xuyên Mộc	2.00	2.75	1.50	6.25
118	620118	Nguyễn Anh Kiệt		01/06/2010	THCS Phước Bửu	4.50	7.25	4.00	15.75
119	620119	Nguyễn Anh Kiệt		04/12/2010	THCS Chu Văn An (XM)	3.75	4.00	2.00	9.75
120	620120	Từ Đức Kiệt		14/10/2010	THCS Chu Văn An (XM)	4.00	3.25	3.25	10.50
121	620121	Huỳnh Gia Kiệt		18/10/2010	THCS Phước Bửu	3.75	3.00	2.00	8.75
122	620122	Nguyễn Gia Kiệt		23/05/2010	THCS Xuyên Mộc	5.25	6.75	5.00	17.00
123	620123	Lương Thuần Kiệt		10/09/2010	THCS Xuyên Mộc	4.00	3.50	2.75	10.25
124	620124	Hà Tuấn Kiệt		14/05/2010	THCS Phước Bửu	6.75	6.00	1.75	14.50
125	620125	Nguyễn Ngọc Thiên Kim	x	14/06/2010	THCS Phước Thuận	6.50	8.00	4.75	19.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
126	620126	Sa Lam		12/02/2009	THCS Tân Lâm	3.50	3.75	1.75	10.00
127	620127	Phan Thanh Lam	x	01/11/2010	THCS Phước Tân	6.25	3.00	3.50	12.75
128	620128	Phạm Tường Lam	x	11/09/2010	THCS Phước Bửu	7.50	4.75	4.75	17.00
129	620129	Huỳnh Nhã Lan	x	02/10/2010	THCS Phước Bửu	4.75	1.00	1.00	6.75
130	620130	Hoàng Phương Lan	x	28/07/2010	THCS Phước Bửu	4.50	4.00	1.75	10.25
131	620131	Phạm Trần Hải Dương Lâm		23/11/2010	THCS Bưng Riềng	3.50	1.25	3.00	7.75
132	620132	Tòng Thị Khánh Linh	x	02/09/2010	THCS Xuyên Mộc	4.50	2.00	2.50	10.00
133	620133	Trần Thị Mai Linh	x	14/07/2010	THCS Phước Bửu	4.50	3.75	3.25	11.50
134	620134	Mai Thúc Loan	x	17/06/2010	THCS Phước Tân	5.50	4.00	6.25	15.75
135	620135	Nguyễn Vũ Bích Loan	x	18/10/2010	THCS Xuyên Mộc	4.00	2.75	0.50	7.25
136	620136	Lê Bảo Long		27/02/2010	THCS Phước Bửu	6.00	4.75	5.25	16.00
137	620137	Nguyễn Đình Bảo Long		07/01/2010	THCS Phước Bửu	1.50	1.25	1.25	4.00
138	620138	Trần Hoàng Long		09/12/2010	THCS Phước Tân	5.25	7.00	4.25	16.50
139	620139	Trần Hoàng Long		01/01/2010	THCS Phước Thuận	3.50	7.75	5.75	17.00
140	620140	Dương Nguyễn Hoàng Long		21/01/2010	THCS Xuyên Mộc	4.50	5.25	3.50	13.25
141	620141	Trương Thành Long		24/07/2010	THCS Phước Thuận	4.75	4.75	3.00	12.50
142	620142	Huỳnh Thiên Long		28/09/2010	THCS Phước Bửu	4.75	6.50	2.50	13.75
143	620143	Lê Tấn Lộc		05/06/2010	THCS Xuyên Mộc	2.75	1.50	1.75	6.00
144	620144	Ngô Thiên Lộc		07/12/2010	THCS Xuyên Mộc	3.75	2.00	2.75	8.50
145	620145	Nguyễn Công Minh		14/03/2010	THCS Xuyên Mộc	2.75	3.75	2.50	9.00
146	620146	Nguyễn Dương Minh		10/07/2010	THCS Phước Bửu	5.00	6.75	5.50	17.25
147	620147	Lưu Nhật Minh		10/08/2010	THCS Hoà Hiệp	2.50	5.25	2.00	10.75
148	620148	Nguyễn Quang Minh		11/03/2010	THCS Phước Bửu	4.50	8.25	6.00	18.75
149	620149	Nguyễn Thanh Minh		18/02/2010	THCS Phước Bửu	3.75	1.75	2.75	8.25
150	620150	Lê Diễm My	x	16/11/2010	THCS Phước Bửu	6.50	3.50	4.00	14.00
151	620151	Trần Ngọc Khởi My	x	04/08/2010	THCS Phước Bửu	6.75	2.25	3.75	12.75
152	620152	Võ Ngọc Thảo My	x	28/11/2010	THCS Phước Bửu	5.00	2.75	4.50	12.25
153	620153	Lê Nguyễn Trà My	x	11/10/2010	THCS Phước Thuận	2.75	3.50	2.25	8.50
154	620154	Ngô Thị Kiều My	x	17/05/2010	THCS Phước Thuận	5.25	4.50	3.00	12.75
155	620155	Cao Thị Thảo My	x	29/05/2010	THCS Phước Tân	4.00	7.25	4.25	15.50
156	620156	Lê Thị Trà My	x	10/08/2010	THCS Chu Văn An (XM)	5.75	5.75	2.25	13.75
157	620157	Vương Hoàng Kiều Mỹ	x	29/07/2010	THCS Phước Tân	5.50	8.00	6.00	19.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
158	620158	Nguyễn Bảo Nam		27/09/2010	THCS Phước Tân	5.50	7.25	5.25	18.00
159	620159	Nguyễn Đình Bảo Nam		11/12/2010	THCS Phước Bửu	5.00	4.75	4.00	13.75
160	620160	Phạm Hải Nam		25/03/2010	THCS Xuyên Mộc	3.75	6.75	2.25	12.75
161	620161	Trần Hạo Nam		02/03/2010	THCS Phước Tân	3.00	3.75	3.75	10.50
162	620162	Nguyễn Hoài Nam		27/05/2009	THCS Phước Bửu	2.50	1.25	2.25	6.00
163	620163	Nguyễn Phương Nam		09/12/2009	THCS Phước Tân	3.50	8.25	5.50	17.25
164	620164	Trần Thanh Nam		15/10/2010	THCS Xuyên Mộc	3.00	1.00	2.25	6.25
165	620165	Phạm Thế Nam		28/06/2010	THCS Phước Tân	4.00	7.50	4.25	15.75
166	620166	Thái Huỳnh Thủy Ngân	x	27/03/2010	THCS Phước Bửu	5.25	3.25	1.50	10.00
167	620167	Huỳnh Phan Kim Ngân	x	29/10/2010	THCS Phước Bửu	4.50	5.25	2.25	12.00
168	620168	Trần Thị Ngọc Ngân	x	14/11/2010	THCS Phước Bửu	5.50	4.50	2.75	12.75
169	620169	Nguyễn Lê Phương Nghi	x	15/11/2010	THCS Xuyên Mộc	6.50	4.00	5.25	15.75
170	620170	Trương Trí Nghĩa		18/09/2010	THCS Xuyên Mộc	5.00	2.50	3.75	11.25
171	620171	Phạm Trung Nghĩa		23/06/2010	THCS Phước Thuận	5.00	7.50	3.50	16.00
172	620172	Trần Bảo Ngọc	x	21/12/2010	THCS Phước Bửu	4.75	3.75	4.00	12.50
173	620173	Đặng Đỗ Khánh Ngọc	x	15/08/2010	THCS Chu Văn An (XM)	6.00	7.00	4.75	17.75
174	620174	Nguyễn Lâm Bảo Ngọc	x	30/04/2010	THCS Xuyên Mộc	6.00	5.00	4.50	15.50
175	620175	Đỗ Lê Bảo Ngọc	x	18/03/2010	THCS Phước Bửu	7.00	5.75	5.75	18.50
176	620176	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	x	12/11/2010	THCS Xuyên Mộc	5.00	7.50	3.25	15.75
177	620177	Lê Thanh Ngọc	x	10/11/2010	THCS Phước Bửu	5.50	3.25	3.00	11.75
178	620178	Trần Thị Bảo Ngọc	x	01/08/2010	THCS Chu Văn An (XM)	5.75	5.75	2.50	14.00
179	620179	Vũ Thị Hồng Ngọc	x	17/07/2010	THCS Phước Bửu	6.50	5.00	4.25	15.75
180	620180	Hà Hiếu Nguyên		19/10/2010	THCS Phước Bửu	4.00	6.25	8.00	18.25
181	620181	Lê Phạm Thảo Nguyên	x	19/04/2010	THCS Phước Bửu	6.50	6.25	6.00	18.75
182	620182	Võ Phúc Nguyên		14/10/2010	THCS Phước Bửu	5.25	3.50	3.50	12.25
183	620183	Nguyễn Thị Nguyên	x	24/11/2010	THCS Phước Tân	4.50	4.75	4.25	13.50
184	620184	Nguyễn Lưu Thanh Nguyệt	x	12/11/2010	THCS Phước Bửu	5.50	3.00	2.25	10.75
185	620185	Nguyễn Thiện Nhân		01/10/2010	THCS Chu Văn An (XM)	4.75	5.75	2.75	13.25
186	620186	Bùi Trung Nhân		06/03/2010	THCS Phước Bửu	2.75	2.50	1.75	7.00
187	620187	Phạm Minh Nhật		17/09/2010	THCS Phước Bửu	2.75	3.00	2.00	7.75
188	620188	Nguyễn Văn Nhật		07/09/2010	THCS Phước Bửu	2.50	4.75	3.25	10.50
189	620189	Dương Ái Nhi	x	01/09/2010	THCS Xuyên Mộc	5.25	4.00	3.25	12.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
190	620190	Nguyễn Hoàng Bích Nhi	x	16/10/2010	THCS Phước Tân	6.50	4.25	3.50	14.25
191	620191	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	x	10/10/2010	THCS Phước Tân	4.25	7.00	3.50	14.75
192	620192	Trần Mai Quế Nhi	x	30/11/2009	THCS Phước Bửu	3.25	4.75	3.00	11.00
193	620193	Phạm Ngọc Ái Nhi	x	28/09/2010	THCS Phước Thuận	5.50	4.75	4.50	14.75
194	620194	Nguyễn Ngọc Quỳnh Nhi	x	13/09/2010	THCS Xuyên Mộc	6.25	5.50	2.75	14.50
195	620195	Huỳnh Thị Yến Nhi	x	19/04/2010	THCS Chu Văn An (XM)	5.00	4.75	2.50	12.25
196	620196	Lê Yến Nhi	x	09/03/2010	THCS Phước Bửu	6.50	5.00	2.50	14.00
197	620197	Trần Yến Nhi	x	24/12/2010	THCS Phước Bửu	5.25	2.50	2.00	9.75
198	620198	Cao Huỳnh Nhi		03/02/2010	THCS Xuyên Mộc	6.25	8.50	5.50	20.25
199	620199	Nguyễn Thị Ái Nhung	x	27/09/2010	THCS Phước Thuận	5.25	4.75	3.25	13.25
200	620200	Nguyễn Thị Hồng Nhung	x	19/12/2010	THCS Chu Văn An (XM)	3.50	4.75	3.00	11.25
201	620201	Trịnh Thị Mỹ Nhung	x	26/08/2010	THCS Phước Tân	6.00	5.75	4.00	15.75
202	620202	Huỳnh Như	x	25/07/2010	THCS Phước Tân	4.75	5.50	5.50	15.75
203	620203	Trần Huỳnh Quỳnh Như	x	28/05/2010	THCS Phước Bửu	6.25	4.25	2.75	13.25
204	620204	Nguyễn Lê Gia Như	x	24/04/2010	THCS Phước Tân	6.50	7.75	4.25	18.50
205	620205	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	x	22/08/2010	THCS Phước Thuận	2.50	5.00	2.50	10.00
206	620206	Nguyễn Ngọc Tuyết Như	x	19/09/2010	THCS Phước Tân	5.75	5.25	3.00	14.00
207	620207	Nguyễn Ngọc Tuyết Như	x	18/04/2010	THCS Xuyên Mộc	4.50	3.25	3.25	11.00
208	620208	Nguyễn Quỳnh Như	x	18/07/2010	THCS Phước Thuận	4.25	3.00	3.25	10.50
209	620209	Trương Thị Huỳnh Như	x	09/04/2010	THCS Phước Tân	6.25	7.75	6.00	20.00
210	620210	Lê Thị Quỳnh Như	x	23/04/2010	THCS Phước Tân	6.25	6.50	4.00	16.75
211	620211	Phan Nguyễn Minh Nhựt		13/08/2010	THCS Chu Văn An (XM)	5.50	6.50	5.25	17.25
212	620212	Lê Văn Nhựt		08/09/2010	THCS Xuyên Mộc	1.00	0.75	1.50	3.25
213	620213	Nguyễn Kim Phát		17/10/2010	THCS Phước Bửu	4.00	2.50	2.50	9.00
214	620214	Trần Ngọc Phát		07/06/2010	THCS Xuyên Mộc	2.25	2.50	1.50	6.25
215	620215	Nguyễn Nhật Phát		17/10/2010	THCS Chu Văn An (XM)	3.75	4.25	3.00	11.00
216	620216	Cao Tấn Phát		20/02/2010	THCS Phước Bửu	4.25	4.25	4.25	12.75
217	620217	Ôn Chấn Phong		13/01/2010	THCS Phước Bửu	5.75	5.25	4.00	15.00
218	620218	Bùi Duy Phong		24/05/2010	THCS Tân Lâm	3.75	3.00	1.25	9.00
219	620219	Nguyễn Đình Lâm Phong		24/04/2010	THCS Phước Bửu	4.00	4.25	3.50	11.75
220	620220	Nguyễn Ngô Khánh Phong		17/05/2010	THCS Chu Văn An (XM)	5.50	7.50	4.00	17.00
221	620221	Lê Nguyễn Nhất Phong		23/02/2010	THCS Chu Văn An (XM)	5.00	4.50	5.50	15.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
222	620222	Nguyễn Thanh Phong		30/04/2009	THCS Phước Bửu	1.75	1.50	3.50	6.75
223	620223	Trương Thanh Phong		24/09/2010	THCS Xuyên Mộc	0.00	1.25	1.75	3.00
224	620224	Trần Phú		04/04/2010	THCS Phước Thuận	4.25	7.50	7.25	19.00
225	620225	Võ Thanh Thiên Phú		12/10/2010	THCS Phước Bửu	3.00	4.00	3.00	10.00
226	620226	Nguyễn Tiến Phú		17/12/2010	THCS Chu Văn An (XM)	5.00	5.25	4.00	14.25
227	620227	Nguyễn Phúc		24/03/2010	THCS Phước Tân	3.75	5.00	1.75	10.50
228	620228	Nguyễn Đặng Minh Phúc		20/09/2010	THCS Phước Thuận	4.25	6.75	4.00	15.00
229	620229	Trần Huỳnh Gia Phúc		18/01/2010	THCS Phước Tân	3.00	5.50	2.75	11.25
230	620230	Nguyễn Phạm Hữu Phúc		14/11/2010	THCS Phước Bửu	4.00	3.25	2.00	9.25
231	620231	Hoàng Thị Thu Phúc	x	02/01/2010	THCS Xuyên Mộc	4.25	5.25	3.00	12.50
232	620232	Lê Hồ Long Phụng		27/08/2010	THCS Phước Bửu	6.00	4.75	4.00	14.75
233	620233	Nguyễn Bình Phương	x	12/02/2010	THCS Phước Bửu	4.50	2.00	7.75	14.25
234	620234	Nguyễn Ngọc Phương	x	15/08/2010	THCS Xuyên Mộc	4.50	4.00	2.25	10.75
235	620235	Lê Nguyễn Nam Phương	x	17/06/2010	THCS Xuyên Mộc	2.00	2.75	1.75	6.50
236	620236	Đinh Thị Kim Phương	x	17/09/2009	THCS Phước Bửu	4.50	3.25	2.50	10.25
237	620237	Nguyễn Thị Mai Phương	x	19/05/2010	THCS Xuyên Mộc	2.00	2.25	3.00	7.25
238	620238	Bùi Thị Mỹ Phương	x	04/07/2010	THCS Xuyên Mộc	1.50	0.75	1.75	4.00
239	620239	Hoàng Thị Trúc Phương	x	23/09/2010	THCS Phước Tân	4.25	7.25	5.50	17.00
240	620240	Hồ Hữu Phước		24/05/2010	THCS Bông Trang	3.50	0.50	4.75	8.75
241	620241	Nguyễn Thanh Phước		11/07/2010	THCS Phước Bửu	7.00	8.50	6.50	22.00
242	620242	Huỳnh Văn Phước		15/10/2010	THCS Xuyên Mộc	3.25	1.25	1.00	5.50
243	620243	Lê Văn Phước		30/12/2010	THCS Phước Tân	2.75	5.50	2.75	11.00
244	620244	Trịnh Hồng Hải Phương	x	21/10/2010	THCS Phước Tân	4.00	7.25	5.75	17.00
245	620245	Huỳnh Minh Quang		09/11/2010	THCS Phước Bửu	5.00	5.00	2.50	12.50
246	620246	Tòng Phạm Thế Quang		08/07/2010	THCS Xuyên Mộc	3.00	1.25	1.75	7.00
247	620247	Nguyễn Minh Quân		09/02/2010	THCS Chu Văn An (XM)	4.50	5.50	4.75	14.75
248	620248	Nguyễn Trọng Quân		22/10/2010	THCS Phước Tân	4.00	6.75	3.00	13.75
249	620249	Nguyễn Thị Lệ Quyên	x	03/07/2010	THCS Phước Bửu	4.50	1.50	3.25	9.25
250	620250	Võ Như Quỳnh	x	13/07/2009	THCS Bình Châu	5.00	5.25	3.00	13.25
251	620251	Nguyễn Thị Như Quỳnh	x	04/09/2010	THCS Xuyên Mộc				0.00
252	620252	Phạm Thị Như Quỳnh	x	07/01/2010	THCS Hoà Hưng	3.00	5.75	1.25	10.00
253	620253	Tạ Thị Tú Quỳnh	x	23/09/2010	THCS Xuyên Mộc	3.25	5.25	2.75	11.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
254	620254	Võ Hoàng Sang		18/10/2010	THCS Xuyên Mộc	3.00	1.75	2.75	8.50
255	620255	Đinh Văn Sang		12/07/2010	THCS Xuyên Mộc	2.50	3.00	2.00	7.50
256	620256	Nguyễn Công Trường Sơn		11/07/2010	THCS Phước Tân	3.25	5.00	6.00	14.25
257	620257	Trương Minh Sơn		09/07/2010	THCS Chu Văn An (XM)	4.00	5.50	2.50	12.00
258	620258	Huỳnh Nguyễn Thu Sương	x	01/09/2010	THCS Phước Bửu	5.50	5.50	3.25	14.25
259	620259	Nguyễn Hữu Tài		13/02/2009	THCS Phước Thuận	4.00	4.75	2.75	11.50
260	620260	Trần Hữu Tài		19/11/2010	THCS Tân Lâm	3.75	4.75	4.25	12.75
261	620261	Nguyễn Minh Tài		10/02/2010	THCS Phước Tân	4.75	5.75	6.50	17.00
262	620262	Trần Mỹ Tâm	x	06/05/2010	THCS Chu Văn An (XM)	4.25	6.25	2.25	12.75
263	620263	Đặng Nguyễn Quang Tâm		22/04/2010	THCS Xuyên Mộc	6.00	7.25	5.50	20.25
264	620264	Lê Thanh Tâm		22/10/2007	THCS Xuyên Mộc	2.50	1.25	2.25	6.00
265	620265	Nguyễn Anh Tấn		27/02/2009	THCS Xuyên Mộc	3.50	3.75	3.25	10.50
266	620266	Cao Thành Tấn		08/07/2010	THCS Phước Thuận	3.50	5.00	3.25	11.75
267	620267	Huỳnh Ngọc Thanh		13/07/2010	THCS Phước Bửu	4.75	3.25	3.00	11.00
268	620268	Lê Phi Thanh		01/04/2010	THCS Chu Văn An (XM)	3.00	4.75	2.50	10.25
269	620269	Hồng Minh Thành		26/11/2010	THCS Phước Tân	5.00	4.00	4.25	14.25
270	620270	Phạm Nguyễn Chí Thành		06/08/2010	THCS Phước Bửu	4.50	5.25	3.00	12.75
271	620271	Bùi Nhật Thành		16/07/2010	THCS Phước Bửu	5.75	2.25	4.75	12.75
272	620272	Nguyễn Quốc Thành		17/01/2010	THCS Xuyên Mộc				0.00
273	620273	Võ Văn Thành		27/01/2010	THCS Phước Bửu	5.00	4.25	2.75	12.00
274	620274	Phạm Huỳnh Thanh Thảo	x	27/02/2010	THCS Xuyên Mộc	2.50	1.00	1.25	4.75
275	620275	Phạm Thanh Thảo	x	28/07/2010	THCS Xuyên Mộc	5.75	6.25	3.50	15.50
276	620276	Hoàng Quốc Thái		26/10/2010	THCS Phước Thuận	6.50	8.00	4.75	19.25
277	620277	Nguyễn Minh Thắng		25/06/2010	THCS Phước Bửu	3.50	2.25	2.75	8.50
278	620278	Nguyễn Quang Thắng		19/02/2010	THCS Phước Bửu	1.50	1.00	1.25	3.75
279	620279	Đỗ Thị Bích Thi	x	12/02/2009	THCS Phước Tân	5.50	3.75	1.25	10.50
280	620280	Trần Hồ Thanh Thiên		28/05/2010	THCS Chu Văn An (XM)	3.50	5.25	2.25	11.00
281	620281	Huỳnh Duy Thịnh		24/11/2010	THCS Phước Bửu	2.75	7.75	4.75	15.25
282	620282	Nguyễn Lê Phúc Thịnh		16/07/2010	THCS Chu Văn An (XM)	5.00	5.25	6.25	16.50
283	620283	Trần Nguyễn Phú Thịnh		20/04/2010	THCS Bình Châu	3.25	5.00	4.75	13.00
284	620284	Dương Thái Hoàng Thịnh		15/01/2010	THCS Phước Bửu	4.00	3.25	4.50	11.75
285	620285	Nguyễn Thị Thuận	x	20/04/2010	THCS Phước Thuận	4.00	6.75	3.00	13.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
286	620286	Nguyễn Cao Kim Thủy	x	26/08/2010	THCS Phước Thuận	4.00	4.50	3.75	12.25
287	620287	Đông Thị Ngọc Thủy	x	03/11/2010	THCS Xuyên Mộc	3.00	2.50	5.00	10.50
288	620288	Lê Ninh Thùy	x	30/03/2010	THCS Phước Bửu				0.00
289	620289	Nguyễn Thị Ngọc Thùy	x	15/02/2010	THCS Phước Bửu	4.75	2.50	2.25	9.50
290	620290	Lê Anh Thư	x	09/04/2010	THCS Tân Lâm	4.00	5.75	3.00	12.75
291	620291	Lê Huỳnh Anh Thư	x	08/11/2010	THCS Phước Tân	6.50	5.75	3.75	16.00
292	620292	Võ Minh Thư	x	01/11/2010	THCS Phước Bửu	4.75	3.75	4.00	12.50
293	620293	Lê Ngọc Anh Thư	x	27/01/2010	THCS Xuyên Mộc	6.75	8.50	4.00	19.25
294	620294	Nguyễn Ngọc Thương Thư	x	05/09/2010	THCS Phước Bửu	7.00	8.00	5.00	20.00
295	620295	Nguyễn Phạm Anh Thư	x	15/08/2010	THCS Phước Thuận	5.50	4.00	3.25	12.75
296	620296	Phạm Quỳnh Anh Thư	x	06/10/2010	THCS Xuyên Mộc	3.75	1.50	2.75	9.00
297	620297	Lê Thị Anh Thư	x	29/08/2010	THCS Phước Tân	2.50	6.50	5.00	14.00
298	620298	Nguyễn Thị Minh Thư	x	18/11/2010	THCS Phước Bửu	4.50	3.75	4.75	13.00
299	620299	Nguyễn Thị Thanh Thương	x	17/01/2010	THCS Phước Bửu	5.00	5.50	3.50	14.00
300	620300	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	x	30/04/2010	THCS Chu Văn An (XM)	5.25	3.75	2.25	11.25
301	620301	Phan Thị Thủy Tiên	x	04/11/2010	THCS Phước Tân	4.75	1.75	3.75	10.25
302	620302	Lê Đức Tiến		02/09/2010	THCS Chu Văn An (XM)	5.25	4.50	3.50	13.25
303	620303	Nguyễn Nhật Tiến		08/09/2010	THCS Phước Bửu	2.75	1.50	2.50	6.75
304	620304	Trần Nhật Tiến		30/04/2009	THCS Phước Bửu	5.00	4.50	1.50	11.00
305	620305	Huỳnh Văn Tiến		02/01/2010	THCS Xuyên Mộc	1.25	1.75	1.50	4.50
306	620306	Đặng Võ Minh Tiến		27/01/2010	THCS Phước Bửu	3.25	6.25	3.75	13.25
307	620307	Mai Trọng Tín		17/06/2010	THCS Xuyên Mộc	2.00	1.00	0.75	3.75
308	620308	Bành Phùng Quốc Toàn		04/01/2010	THCS Phước Bửu	3.00	1.25	1.25	5.50
309	620309	Nguyễn Hoàng Thanh Trang	x	06/10/2010	THCS Chu Văn An (XM)	5.25	5.25	2.00	12.50
310	620310	Nguyễn Ngọc Phương Trang	x	01/02/2010	THCS Phước Bửu	5.00	1.75	2.75	9.50
311	620311	Lê Thị Hương Trang	x	07/09/2010	THCS Phước Bửu	4.25	6.25	3.25	13.75
312	620312	Nguyễn Thị Phương Trang	x	28/11/2010	THCS Phước Tân	5.00	5.75	4.50	15.25
313	620313	Nguyễn Thị Thùy Trang	x	01/08/2010	THCS Tân Lâm	4.50	2.00	3.25	9.75
314	620314	Từ Diệu Trâm	x	26/07/2010	THCS Chu Văn An (XM)	4.75	5.50	4.25	14.50
315	620315	Đặng Ngọc Bảo Trâm	x	24/02/2010	THCS Phước Bửu	5.75	3.25	3.00	12.00
316	620316	Phạm Ngọc Bảo Trâm	x	08/06/2010	THCS Chu Văn An (XM)	6.50	6.75	5.50	18.75
317	620317	Ngô Thị Thùy Trâm	x	10/10/2010	THCS Xuyên Mộc	1.25	3.50	1.75	6.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
318	620318	Nguyễn Minh Huyền Trân	x	10/11/2009	THCS Hoà Hiệp	3.25	1.75	2.25	8.25
319	620319	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	x	12/04/2010	THCS Xuyên Mộc	3.25	3.00	4.50	10.75
320	620320	Phan Nguyễn Bảo Trân	x	31/07/2010	THCS Phước Tân	5.00	2.75	1.50	9.25
321	620321	Nguyễn Đức Triều		30/05/2010	THCS Phước Thuận	3.50	7.75	3.00	14.25
322	620322	Lý Thanh Triều		22/11/2010	THCS Phước Bửu	1.00	0.50	1.50	3.00
323	620323	Trình Minh Triết		18/11/2010	THCS Phước Bửu	1.50	1.75	2.75	6.00
324	620324	Võ Văn Triết		27/11/2010	THCS Xuyên Mộc	3.25	5.00	3.50	11.75
325	620325	Trần Lê Ngọc Trinh	x	12/05/2010	THCS Phước Tân	4.25	5.75	3.75	13.75
326	620326	Lê Minh Trí		06/08/2010	THCS Xuyên Mộc	2.25	5.25	2.75	10.25
327	620327	Nguyễn Minh Trí		27/05/2010	THCS Phước Bửu	5.50	1.75	2.00	9.25
328	620328	Trần Minh Trí		12/05/2010	THCS Phước Bửu	5.25	3.75	4.00	13.00
329	620329	Lê Trần Minh Trí		30/11/2010	THCS Phước Tân	4.50	7.25	5.00	16.75
330	620330	Bùi Đức Trung		27/06/2010	THCS Phước Bửu	3.00	4.00	4.75	11.75
331	620331	Hoàng Thị Trúc	x	06/03/2010	THCS Xuyên Mộc	2.00	0.50	2.00	5.50
332	620332	Lê Thị Thanh Trúc	x	11/12/2010	THCS Chu Văn An (XM)	2.25	4.00	3.00	9.25
333	620333	Hoàng Thụy Thanh Trúc	x	04/09/2010	THCS Phước Tân	6.00	5.50	5.00	16.50
334	620334	Nguyễn Phi Trường		16/09/2008	THCS Phước Bửu				0.00
335	620335	Bùi Lê Anh Tuấn		21/01/2010	THCS Phước Thuận	5.00	6.75	4.25	16.00
336	620336	Nguyễn Trọng Tuấn		28/09/2010	THCS Xuyên Mộc	4.25	3.50	2.50	10.25
337	620337	Phạm Thị Thanh Tuyền	x	12/06/2010	THCS Phước Bửu	5.00	1.50	2.75	9.25
338	620338	Dương Anh Tú		29/12/2010	THCS Xuyên Mộc	4.00	3.75	4.00	11.75
339	620339	Đào Duy Tú		08/09/2010	THCS Phước Thuận	4.25	6.50	2.75	13.50
340	620340	Trương Nữ Thanh Tú	x	09/03/2010	THCS Phước Bửu	5.50	4.50	3.50	13.50
341	620341	Phạm Thanh Tú		20/04/2010	THCS Xuyên Mộc	4.50	3.50	1.00	9.00
342	620342	Phan Văn Gia Tú		22/05/2010	THCS Chu Văn An (XM)	6.00	6.25	3.75	16.00
343	620343	Nguyễn Trí Tường		04/12/2010	THCS Xuyên Mộc	3.00	1.75	7.25	12.00
344	620344	Bùi Nhã Uyên	x	02/08/2010	THCS Phước Bửu	4.25	3.75	2.25	10.25
345	620345	Nguyễn Thụy Phương Uyên	x	29/09/2010	THCS Phước Bửu	2.00	2.50	1.50	6.00
346	620346	Phan Tiến Văn		03/07/2009	THCS Phước Bửu	5.00	6.50	2.75	14.25
347	620347	Hồ Thị Cẩm Vân	x	18/02/2010	THCS Phước Thuận	6.00	7.50	4.00	17.50
348	620348	Tòng Đại Vệ		27/12/2010	THCS Chu Văn An (XM)	2.50	5.50	4.00	13.00
349	620349	Lê Bùi Hồng Vi	x	05/10/2010	THCS Phước Bửu	6.00	6.50	3.50	16.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
350	620350	Nguyễn Đình Vĩ		23/04/2010	THCS Phước Bửu	4.50	3.00	3.50	11.00
351	620351	Đinh Lê Nguyễn Vũ Quốc Vương		16/03/2010	THCS Phước Tân	4.25	5.50	5.75	15.50
352	620352	Nguyễn Văn Vương		21/05/2010	THCS Xuyên Mộc	2.75	2.25	1.75	6.75
353	620353	Trần Đỗ Khánh Vy	x	20/03/2010	THCS Phước Bửu	2.75	3.75	1.50	8.00
354	620354	Vũ Hoàng Phương Vy	x	25/06/2010	THCS Xuyên Mộc	5.25	4.00	2.00	11.25
355	620355	Phan Khánh Vy	x	25/06/2010	THCS Phước Bửu	3.25	1.25	1.50	6.00
356	620356	Nguyễn Ngọc Bảo Vy	x	08/03/2010	THCS Xuyên Mộc	5.25	2.25	2.75	10.25
357	620357	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	x	24/03/2010	THCS Xuyên Mộc	1.50	1.00	2.75	5.25
358	620358	Đỗ Phan Bảo Vy	x	22/07/2010	THCS Phước Bửu	6.50	6.00	7.00	19.50
359	620359	Trần Thị Trúc Vy	x	20/04/2010	THCS Phước Bửu	4.75	5.50	9.00	19.25
360	620360	Nguyễn Thị Tường Vy	x	02/04/2008	THCS Phước Thuận				0.00
361	620361	Nguyễn Trần Phương Vy	x	11/09/2010	THCS Phước Thuận	3.50	5.00	3.25	11.75
362	620362	Hoàng Yến Vy	x	14/11/2010	THCS Xuyên Mộc	6.00	2.75	4.25	13.00
363	620363	Lâm Yến Vy	x	04/05/2009	THCS Phước Bửu	4.25	1.75	2.25	8.25
364	620364	Đặng Phan Trường Vỹ		28/10/2010	THCS Xuyên Mộc	4.25	1.75	2.00	8.00
365	620365	Bùi Ngọc Kim Yến	x	12/09/2010	THCS Phước Thuận	4.00	6.00	2.50	12.50
366	620366	Phạm Ngọc Như Ý	x	13/12/2010	THCS Xuyên Mộc	3.00	1.25	1.00	5.25
367	620367	Trì Phi Ý	x	17/08/2010	THCS Chu Văn An (XM)	4.50	5.00	2.50	12.00

Bảng này có 367 thí sinh. Có 354 thí sinh dự thi đủ môn.

* Tổng điểm xét tuyển THPT đã bao gồm điểm ưu tiên, khuyến khích./.